

BÁO CÁO
Công tác phòng, chống tham nhũng năm 2023

Tiếp nhận công văn số 1022/TTT-VP ngày 20/10/2023 của Thanh tra tỉnh về việc phối hợp chỉ đạo thực hiện báo cáo công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng năm 2023 và phương hướng nhiệm vụ năm 2024.

Sở Tài chính Ninh Thuận báo cáo kết quả với các nội dung như sau:

I. KẾT QUẢ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

1. Kết quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng; việc quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng

a) Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, ban hành văn bản, hướng dẫn triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo, điều hành của cấp trên trong công tác phòng, chống tham nhũng: Sở Tài chính ban hành Kế hoạch số 263 về tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2023; Kế hoạch số 329/KH-STC ngày 07/02/2023 về tuyên truyền, phổ biến, quán triệt và triển khai thực hiện phòng chống tham nhũng, tiêu cực năm 2023; Kế hoạch số 1242/KH-STC ngày 07/02/2023 về công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực năm 2023; Kế hoạch số 1187/KH-STC ngày 05/4/2023 về kiểm soát xung đột lợi ích năm 2023; đồng thời tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 4469/KH-STC ngày 07/12/2021 về triển khai thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 04/11/2021 của Ban Chấp hành Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực đến năm 2025 và những năm tiếp theo.

b) Trên cơ sở Kế hoạch phòng chống tham nhũng được ban hành hàng năm, Lãnh đạo Sở, Đảng ủy thường xuyên chỉ đạo quán triệt các nội dung đến toàn thể công chức và người lao động trong các cuộc họp thường kỳ và sinh hoạt chi bộ.

c) Sở Tài chính ban hành Kế hoạch số 49/KH-STC ngày 05/01/2023 về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật năm 2023 của Sở Tài chính; Kế hoạch số 199/KH-STC ngày 17/01/2023 về theo dõi thi hành pháp luật năm 2023; Kế hoạch số 526/KH-STC ngày 21/02/2023 về hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật kỳ 2019-2013 năm 2022 của Sở Tài chính nhằm rà soát đã kịp thời phát hiện những văn bản trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo để đề nghị đình chỉ, bãi bỏ, ban hành văn bản thay thế, sửa đổi, bổ sung, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật.

d) Tổ chức, bộ máy, phân công trách nhiệm tổ chức thực hiện trong công

tác phòng, chống tham nhũng; tình hình hoạt động của các cơ quan chuyên trách về phòng, chống tham nhũng (nếu có cơ quan, đơn vị chuyên trách): Công tác phòng chống tham nhũng của Sở được giao Thanh tra Sở theo dõi, tổng hợp báo cáo khi có yêu cầu dưới sự chỉ đạo của Phó Giám đốc Sở.

đ) Các hình thức cụ thể đã thực hiện để quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng: Thông qua trang thông tin nội bộ, cổng thông tin điện tử của cơ quan và các buổi sinh hoạt pháp luật trực tiếp ngày đầu tuần trong tháng của cơ quan đảm bảo đúng quy định và phù hợp với tình hình thực tiễn tại cơ quan.

2. Kết quả thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng trong cơ quan

a) Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động

Sở Tài chính đã thực hiện công khai, minh bạch toàn bộ các hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị theo đúng quy định tại Luật phòng chống tham nhũng năm 2018; Nghị định 59/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2019 Quy định một số điều và biện pháp thi hành luật Phòng, chống tham nhũng; Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 về hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách; Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 Bộ Tài chính về việc hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được nhà nước hỗ trợ. Cụ thể như sau:

- Công khai tài chính, ngân sách:

Trên cơ sở Quyết định số 2563/QĐ-BTC ngày 07/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2021; Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước trên địa bàn, quyết toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2021; Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương năm 2023; Nghị quyết số 57/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân bổ ngân sách địa phương năm 2023; Quyết định số 691/QĐ-UBND ngày 14/12/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2023 cho các Sở, ban, ngành, cơ quan Đảng, đoàn thể, các hội đặc thù và các đơn vị dự toán cấp I thuộc tỉnh. Sở Tài chính đã tiến hành công bố công khai trên cổng thông tin điện tử, niêm yết tại Sở số liệu quyết toán ngân sách năm 2021 và dự toán ngân sách năm 2023 của tỉnh; công khai quyết toán ngân sách nhà nước năm 2022 tại Sở Tài chính; công khai dự toán ngân sách năm 2023 tại Sở Tài chính; công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương quý I/2023; công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương 9 tháng đầu năm 2023.

- Công khai đầu tư mua sắm công: Trên cơ sở Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy chế quản lý và sử dụng tài sản công của Sở Tài chính Ninh Thuận, việc mua sắm tài sản công tại cơ quan được công khai theo hình thức thông báo đến từng phòng ban trong cơ quan, niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của cơ quan khi có nhu cầu. Đối với công tác đấu thầu mua sắm tập trung máy văn phòng thực hiện theo quy định. Đối với công tác quản lý tài sản công, tham mưu xử lý các cơ sở nhà đất, Sở Tài chính thực hiện theo đúng quy định tại Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công, Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ đảm bảo công khai, minh bạch và Luật đấu giá tài sản năm 2016.

- Công khai công tác cán bộ: Thực hiện Nghị định 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị và Kế hoạch số 4809/KH-UBND ngày 03/11/2022 của UBND tỉnh triển khai thực hiện kiểm soát tài sản, thu nhập năm 2022; Sở Tài chính đã triển khai đến toàn thể cán bộ, công chức thuộc diện phải kê khai theo quy định, đạt 100% kế hoạch đề ra và tiến hành niêm yết công khai bản kê khai tài sản, thu nhập của cán bộ, công chức năm 2022 tại Sở Tài chính theo đúng quy định. Thông báo nhu cầu, chỉ tiêu sơ tuyển công chức năm 2023 trên cổng thông tin điện tử của Sở, niêm yết tại cơ quan đảm bảo tính công khai, minh bạch theo đúng quy định.

b) Kết quả xây dựng và thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ

Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ và Quy chế quản lý và sử dụng tài sản công của Sở Tài chính tỉnh Ninh Thuận. Theo đó, công tác quản lý thu, chi tài chính được đảm bảo theo đúng định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã ban hành và đúng quy định của pháp luật.

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao, Sở Tài chính luôn kịp thời tham mưu UBND tỉnh ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về các chế độ, chính sách liên quan lĩnh vực tài chính triển khai đến các đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh.

Trong giai đoạn báo cáo Sở Tài chính đã thanh tra và ban hành Kết luận thanh tra tại Trung tâm Y tế huyện Thuận Nam, Bệnh viện mắt, Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể thao tỉnh; kiến nghị và thu hồi sai phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ số tiền 49.837.117 đồng, kiểm điểm rút kinh nghiệm 04 cá nhân tại Trung tâm Y tế huyện Thuận Nam.

c) Kết quả thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn

Sở Tài chính ban hành Quyết định số 22a/QĐ-STC ngày 15/02/2023 về việc ban hành Quy tắc ứng xử và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của công chức và người lao động tại Sở Tài chính tỉnh Ninh Thuận; Quyết định số 17/QĐ-STC ngày 02/02/2023 về Quy chế làm việc của Sở Tài chính Ninh

Thuận; Quyết định số 45/QĐ-STC ngày 10/4/2023 của Giám đốc Sở Tài chính về việc ban hành Nội quy cơ quan của Sở Tài chính Ninh Thuận. Tiếp tục thực hiện Quyết định số 66/QĐ-STC ngày 14/7/2015 của Giám đốc Sở Tài chính về việc ban hành Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức và người lao động Sở Tài chính tỉnh Ninh Thuận; Quyết định số 130/QĐ-STC ngày 11/10/2021 của Giám đốc Sở Tài chính Ban hành Quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở của Sở Tài chính Ninh Thuận; Quyết định số 131/QĐ-STC ngày 11/10/2021 của Giám đốc Sở Tài chính Ban hành Quy chế thực hiện dân chủ cơ sở trong hoạt động của Sở Tài chính tỉnh Ninh Thuận; Quyết định số 2260/QĐ-BTC ngày 04/9/2014 của Bộ Tài chính về việc Ban hành quy chế quản lý, sử dụng và đánh giá cán bộ đoàn thanh tra ngành tài chính và Thông tư số 01/2021/TT-TTCTP ngày 11/3/2021 của Tổng Thanh tra Chính phủ về Quy định quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức trong ngành thanh tra và cán bộ, công chức làm công tác tiếp công dân.

d) Kết quả thực hiện chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ, quyền hạn: Sở Tài chính ban hành Kế hoạch số 2187/KH-STC ngày 12/6/2023 về chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức thuộc Sở Tài chính năm 2023; Kế hoạch số 2596/KH-STC ngày 11/7/2023 về chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức thuộc Sở Tài chính năm 2023.

đ) Kết quả thực hiện cải cách hành chính, ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý và thanh toán không dùng tiền mặt

Sở Tài chính ban hành Kế hoạch số 142/KH-STC ngày 12/01/2023 về công tác cải cách hành chính năm 2023 của Sở Tài chính; Kế hoạch số 252/KH-STC ngày 30/01/2023 về phát động phong trào thi đua cải cách hành chính năm 2023; Kế hoạch số 556/KH-STC ngày 23/02/2023 về nâng cao chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh DDCI của Sở Tài chính năm 2023; Quyết định số 29/QĐ-STC ngày 23/02/2023 về việc công bố Hệ thống quản lý chất lượng quy trình quản lý theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 trong giải quyết các thủ tục hành chính tại Sở Tài chính; Kế hoạch số 651/KH-STC ngày 01/3/2023 về tuyên truyền cải cách hành chính năm 2023; Kế hoạch số 652/KH-STC ngày 01/3/2023 về kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2023 tại cơ quan; Quyết định số 01/QĐ-STC ngày 05/01/2023 về việc thành lập lại tổ kiểm tra chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính Sở Tài chính tỉnh Ninh Thuận.

Hiện nay, các thủ tục hành chính của Sở Tài chính cập nhật, tích hợp đầy đủ lên Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh. Từ đó, giúp cho người dân và doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận và sử dụng, đồng thời việc giải quyết các thủ tục hành chính được thực hiện nhanh chóng, hiệu quả, công khai, minh bạch.

Tiếp tục áp dụng phần mềm Văn phòng điện tử trong giải quyết công việc tại Sở Tài chính, tăng cường thực hiện việc gửi báo cáo, thông tin nội bộ qua mạng và hoàn thiện trang Website của Sở; Triển khai và duy trì, đảm bảo vận hành thông suốt hệ thống mạng (Tabmis) trên địa bàn toàn tỉnh.

Các khoản chi trả cho cán bộ, công chức và người lao động trong Sở Tài chính 100% đều được thực hiện theo hình thức thanh toán không dùng tiền mặt.

e) Kết quả thực hiện các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn: Thực hiện Nghị định 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị và Kế hoạch số 4809/KH-UBND ngày 09/12/2022 của UBND tỉnh triển khai thực hiện kiểm soát tài sản, thu nhập năm 2022. Sở Tài chính đã triển khai đến toàn thể cán bộ, công chức thuộc diện phải kê khai theo quy định, đạt 100% kế hoạch đề ra và tiến hành niêm yết công khai bản kê khai tài sản, thu nhập của cán bộ, công chức năm 2022 tại Sở Tài chính theo đúng quy định. Trong năm 2023, Sở Tài chính có 02 công chức được chọn để xác minh tài sản thu nhập.

3. Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng trong cơ quan: Trong năm không phát sinh tình trạng tham nhũng trong cơ quan.

4. Kết quả phòng, chống tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước: Không phát sinh.

5. Vai trò, trách nhiệm của xã hội trong phòng, chống tham nhũng: Không phát sinh.

6. Hợp tác quốc tế về phòng, chống tham nhũng: Không phát sinh.

II. ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

1. Tự đánh giá mức độ hoàn thành mục tiêu của công tác phòng, chống tham nhũng: Được sự quan tâm của Lãnh đạo Sở, Đảng ủy Sở thường xuyên theo dõi, chấn chỉnh kịp thời, do đó tình trạng tham nhũng không xảy ra; đặc biệt là “tham nhũng vặt”. Công tác phòng chống tham nhũng được thực hiện tốt trong phạm vi Sở Tài chính. Công tác phòng, chống tham nhũng được triển khai chủ yếu trên cơ sở phòng ngừa là chính và Sở Tài chính đã và đang thực hiện tốt việc này nên trong giai đoạn báo cáo không có tham nhũng xảy ra tại Sở Tài chính.

4. Đánh giá những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế trong công tác phòng, chống tham nhũng: Không có.

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP, KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp

a) Phương hướng chung trong thời gian tới

Tăng cường chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính và thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế cơ quan,...

Tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền pháp luật nói chung về phòng, chống tham nhũng nói riêng nhằm nâng cao ý thức tự phòng ngừa, ngăn chặn tham nhũng, tiêu cực xảy ra, đặc biệt là tình trạng “tham nhũng vặt”.

b) Những nhiệm vụ cụ thể phải thực hiện

Tiếp tục tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật nói chung, về phòng, chống tham nhũng nói riêng.

Triển khai các cuộc thanh tra tại Trường Cao đẳng nghề và Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp đào tạo và sát hạch lái xe cơ giới đường bộ.

Tham mưu dự thảo các Nghị quyết gửi UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp cuối năm 2023 theo đúng thời gian quy định; tham mưu UBND tỉnh hướng dẫn thực hiện thủ tục về chế độ ưu đãi về miễn giảm tiền sử dụng đất ở, nhà ở đối với người có công và thân nhân, đảm bảo đúng quy định và phù hợp thực tế địa phương theo Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ.

Tiếp tục tham mưu bán đấu giá trụ sở nhà, đất theo chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh.

Tham mưu ban hành hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024.

Một số nhiệm vụ khác theo chỉ đạo của UBND tỉnh.

c) Giải pháp để thực hiện nhiệm vụ và khắc phục những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế: Không có.

2. Kiến nghị, đề xuất: Không có.

Trên đây là nội dung công tác phòng chống tham nhũng năm 2023, Sở Tài chính báo cáo Thanh tra tỉnh biết, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Thanh tra tỉnh;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, TTr.PNH

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Hùng

Biểu số: 01/PCTN

KẾT QUẢ CHỦ YẾU VỀ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG*(Kèm theo Báo cáo số: /BC-STC ngày /10/2023 của Giám đốc Sở Tài chính)*

MS	NỘI DUNG	ĐVT	SỐ LIỆU
	CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT		
1	Số văn bản ban hành mới để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật PCTN	Văn bản	3
2	Số văn bản được sửa đổi, bổ sung để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành	Văn bản	–
3	Số văn bản được bãi bỏ để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành	Văn bản	–
	TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VỀ PCTN		
4	Số lớp tuyên truyền, quán triệt pháp luật về phòng, chống tham nhũng được tổ chức	Lớp	2
5	Số lượt cán bộ, công chức, viên chức, nhân dân tham gia các lớp tập huấn, quán triệt pháp luật về PCTN	Lượt người	70
6	Số lượng đầu sách, tài liệu về pháp luật phòng, chống tham nhũng được xuất bản	Tài liệu	–
	PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ		
	<i>Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động</i>		
7	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được kiểm tra việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động	CQ, TC, ĐV	3
8	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị bị phát hiện có vi phạm quy định về công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động	CQ, TC, ĐV	1
	<i>Xây dựng và thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ</i>		
9	Số văn bản về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được ban hành mới	Văn bản	13
10	Số văn bản về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ	Văn bản	11
11	Số cuộc thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Cuộc	3
12	Số vụ vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Vụ	2
13	Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Người	–
14	Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã bị xử lý hành chính	Người	–
15	Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã bị xử lý hình sự	Người	–
16	Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được kiến nghị thu hồi và bồi thường (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	49,837

17	Tổng giá trị vi phạm định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được thu hồi và bồi thường	Triệu đồng	49,837
	<i>Thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn</i>		–
18	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn	CQ, TC, ĐV	–
19	Số cán bộ, công chức, viên chức vi phạm quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp đã bị xử lý	Người	–
20	Số người đã nộp lại quà tặng cho đơn vị	Người	–
21	Giá trị quà tặng đã được nộp lại (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	–
22	Số người bị xử lý do có vi phạm xung đột lợi ích	Người	–
23	Số người bị xử lý do có vi phạm về việc kinh doanh trong thời hạn không được kinh doanh sau khi thôi giữ chức vụ	Người	–
	<i>Chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ, quyền hạn</i>		
24	Số cán bộ, công chức, viên chức được chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng	Người	–
	<i>Cải cách hành chính, ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý và thanh toán không dùng tiền mặt</i>		
25	Số thủ tục hành chính chính công được áp dụng tại Cơ quan, tổ chức, đơn vị	Thủ tục	29
26	Số thủ tục hành chính chính công được áp dụng mức độ 3 hoặc 4 tại cơ quan, tổ chức, đơn vị	Thủ tục	29
27	Số thủ tục hành chính yêu cầu người dân, doanh nghiệp bổ sung hồ sơ từ 02 lần trở lên	Lượt thủ tục	–
28	Số cuộc kiểm tra, thanh tra việc thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt	Cuộc	–
29	Số vụ phát hiện vi phạm trong việc thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt	Vụ	–
30	Tổng giá trị giao dịch qua Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng (1)	Triệu đồng	10.252,579
31	Tỷ trọng tiền mặt trên tổng phương tiện thanh toán (2)	%	2,30
	<i>Thực hiện các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn</i>		
32	Số người đã thực hiện kê khai tài sản, thu nhập trong kỳ	Người	33
33	Số người được xác minh việc kê khai tài sản, thu nhập	Người	2
34	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện các quy định về kê khai, công khai bản kê khai tài sản, thu nhập	CQ, TC, ĐV	–
35	Số người bị kỷ luật do vi phạm quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập	Người	–
35.1	<i>Số người bị kỷ luật do kê khai tài sản, thu nhập không trung thực</i>	Người	–
35.2	<i>Số người bị kỷ luật do có vi phạm khác về kiểm soát tài sản, thu nhập</i>	Người	–
	PHÁT HIỆN CÁC VỤ VIỆC THAM NHŨNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ		–
36	Tổng số vụ việc tham nhũng được phát hiện trong kỳ báo cáo	Vụ	–
37	Tổng số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện trong kỳ báo	Người	–

	cáo		
	<i>Qua công tác kiểm tra và tự kiểm tra của cơ quan, tổ chức, đơn vị</i>		–
38	Số vụ tham nhũng đã được phát hiện qua công tác kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước	Vụ	–
39	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua công tác kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước	Người	–
40	Số vụ tham nhũng được phát hiện qua công tác tự kiểm tra	Vụ	–
41	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua công tác tự kiểm tra	Người	–
42	Số vụ tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan có chức năng phòng, chống tham nhũng	Vụ	–
	<i>- Trong đó số vụ tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan thanh tra</i>	vụ	–
43	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan có chức năng phòng, chống tham nhũng	Người	–
	<i>- Trong đó số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan thanh tra</i>	người	–
	<i>Qua hoạt động giám sát, thanh tra, kiểm toán</i>		–
44	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động giám sát của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử và xử lý đề nghị của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử	Vụ	–
45	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động giám sát của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử và xử lý đề nghị của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử	Người	–
46	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động thanh tra	Vụ	–
47	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua hoạt động thanh tra	Người	–
48	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động kiểm toán	Vụ	–
49	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động kiểm toán	Người	–
	<i>Qua xem xét phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng</i>		–
50	Số vụ việc có phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng	Vụ việc	–
51	Số vụ việc có phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng đã được xem xét	Vụ việc	–
52	Số vụ tham nhũng phát hiện thông qua xem xét nội dung phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng	Vụ	–
53	Số đối tượng có hành vi tham nhũng phát hiện thông qua xem xét nội dung phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng	người	–
	<i>Qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo</i>		–
54	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Vụ	–
55	Số đối tượng có hành vi tham nhũng phát hiện qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Người	–
	<i>Qua các hoạt động khác (ngoài những hoạt động nêu trên, nếu có)</i>		–

56	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua các hoạt động khác	Vụ	–
57	Số đối tượng có hành vi tham nhũng phát hiện qua các hoạt động khác	Người	–
	<i>Qua điều tra tội phạm</i>		–
58	Số vụ án tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã được cơ quan chức năng khởi tố	Vụ	–
59	Số đối tượng tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã bị cơ quan chức năng khởi tố	Người	–
	<i>Bảo vệ, khen thưởng người tố cáo, phát hiện tham nhũng</i>		–
60	Số người tố cáo hành vi tham nhũng được được bảo vệ theo quy định của pháp luật về tố cáo	Người	–
61	Số người tố cáo hành vi tham nhũng bị trả thù	Người	–
62	Số người đã bị xử lý do có hành vi trả thù người tố cáo	Người	–
63	Số người tố cáo hành vi tham nhũng đã được khen, thưởng	Người	–
	XỬ LÝ TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ KHI ĐỂ XẢY RA THAM NHŨNG		–
64	Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị kết luận là thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người	–
65	Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu đã bị xử lý hình sự do thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người	–
66	Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị xử lý kỷ luật do thiếu trách nhiệm để xảy ra tham nhũng	Người	–
66.1	<i>- Khiển trách</i>	Người	–
66.2	<i>- Cảnh cáo</i>	Người	–
66.3	<i>- Cách chức</i>	Người	–
	XỬ LÝ THAM NHŨNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ		–
67	Số vụ án tham nhũng đã đưa ra xét xử (địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của tòa án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp)	Vụ	–
68	Số đối tượng bị kết án tham nhũng (địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của tòa án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp) trong đó:	Người	–
68.1	<i>- Số đối tượng phạm tội tham nhũng ít nghiêm trọng</i>	Người	–
68.2	<i>- Số đối tượng phạm tội tham nhũng nghiêm trọng</i>	Người	–
68.3	<i>- Số đối tượng phạm tội tham nhũng rất nghiêm trọng</i>	Người	–
68.4	<i>- Số đối tượng phạm tội tham nhũng đặc biệt nghiêm trọng</i>	Người	–
69	Số vụ việc tham nhũng đã được xử lý hành chính	Vụ	–
70	Số cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật hành chính về hành vi tham nhũng	Người	–
71	Số vụ việc tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Vụ	–
72	Số đối tượng tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Người	–

	<i>Tài sản bị tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã phát hiện được</i>		–
73	Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	–
74	Đất đai	m ²	–
	<i>Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã được thu hồi, bồi thường</i>		–
75	Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	–
75.1	- Kết quả thu hồi tiền bằng biện pháp hành chính	Triệu	–
75.2	- Kết quả thu hồi tiền bằng biện pháp tư pháp	Triệu	–
76	Đất đai	m ²	–
76.1	- Kết quả thu hồi đất bằng biện pháp hành chính	m ²	–
76.2	- Kết quả thu hồi đất bằng biện pháp tư pháp	m ²	–
	<i>Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng không thể thu hồi, khắc phục được</i>		–
77	Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	–
78	Đất đai	m ²	–
	PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG TRONG DOANH NGHIỆP, TỔ CHỨC KHU VỰC NGOÀI NHÀ NƯỚC		–
79	Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội (quy định tại Khoản 1 Điều 80 Luật PCTN) thuộc phạm vi quản lý	Tổ chức	–
80	Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội (quy định tại Khoản 1 Điều 80 Luật PCTN) được thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về PCTN	Tổ chức	–
81	Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội (quy định tại Khoản 1 Điều 80 Luật PCTN) bị xử lý do có vi phạm pháp luật về PCTN	Tổ chức	–
82	Số vụ tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý được phát hiện	Vụ	–
83	Số đối tượng có hành vi tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý được phát hiện	Người	–
84	Số đối tượng có hành vi tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý đã bị xử lý hình sự	Người	–
85	Thiệt hại gây ra bởi các vụ tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	–
86	Kết quả thu hồi tài sản tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	–